

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 125/2022/DS-ST
Ngày: 23/05/2021.
V/v tranh chấp: hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh**;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Trung Tiến**
- Ông Đoàn Minh Thắng**

Thư ký phiên tòa: bà **Phan Thị Ngọc Ngân**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G không tham gia phiên tòa

Trong ngày 23 tháng 05 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2021/TLST-DS ngày 03/12/2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2022/QĐST-DS ngày 04/04/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 38/2022/QĐST-DS ngày 04/05/2022 của Tòa án nhân dân huyện G giữa các đương sự:

❖ Nguyên đơn: **NGÂN HÀNG T** ;

Địa chỉ: phường B, quận F, thành phố H,

Đại diện theo pháp luật ông **Hàn Ngọc V** – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền bà **Trần Thị Thu H** – Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền lại ông **Phan Văn Dũng E** –

❖ Bị đơn: **TRẦN CÔNG B** – sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

(ông Dũng E có mặt, ông B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T trình bày: ngày 19/7/2017 Ngân hàng T ký hợp đồng tín dụng số 0599/HĐTCDP.VIB828/17 với ông Trần Công B theo đó ông B vay số tiền 85.000.000 đồng, mục đích vay là tiêu dùng, thời hạn vay 48 tháng, lãi tại thời điểm giải ngân là 19%/năm, cố định trong suốt thời gian vay vốn, ngày trả là ngày 21 hàng tháng với số tiền vốn và lãi là 2.541.510 đồng. Ngày 21/7/2017 phía

Ngân hàng đã giải ngân cho ông B. Sau đó ông B có trả được 22.750.197 đồng còn nợ lại 62.249.803 đồng. Ngày 14/5/2018 Ngân hàng có cấp thẻ tín dụng cho ông B loại thẻ VIB Platinum (Cash Back) hạn mức là 69.000.000 đồng, lãi suất, phí theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB. Quá trình sử dụng khoản vay và thẻ tín dụng ông B đã vi phạm các nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, điều khoản và điều kiện cấp thẻ tín dụng, đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế và các văn bản mà ông B đã ký và bị quá hạn thanh toán kể từ ngày 08/12/2018. Nay phía ngân hàng yêu cầu ông B trả số tiền vốn của hai khoản vay là 129.743.116 đồng, lãi trong hạn 60.220.429 đồng, lãi quá hạn 73.071.239 đồng. Tổng cộng là 263.034.784 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn ông Trần Công B đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông B nhưng ông B không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

Tại phiên Tòa hôm nay

Đại diện cho nguyên đơn Ngân hàng T là ông Phan Văn Dũng E vẫn giữ yêu cầu ông Trần Công B trả lại cho Ngân hàng số tiền gốc là 129.743.116 đồng và tiền lãi tính đến ngày 23/5/2022 trong hạn là 26.001.666 đồng, lãi quá hạn và phí là 117.325.205 đồng, tổng cộng là 273.069.987 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Trần Công B vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, cùng lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là hợp đồng vay tài sản.

[1] Xét bị đơn ông Trần Công B đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông B vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt ông B.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T là có cơ sở vì giữa Ngân hàng T và ông Trần Công B có ký hợp đồng tín dụng số 0599/HĐTCDP.VIB828/17 ngày 19/7/2017, theo đó ông B vay số tiền 85.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng với thời hạn là 48 tháng, trả vào ngày 21 hàng tháng gồm vốn và tiền lãi. Sau khi vay ông B có trả được 22.750.197 đồng tiền vốn và 17.325.631 đồng tiền lãi tính đến ngày 08/10/2018 rồi ngưng luôn cho đến nay, còn nợ lại 62.249.803 đồng. Cho thấy ông B đã vi phạm vào mục 1.5 của hợp đồng tín dụng. Ngoài ra Ngân hàng T còn có hợp đồng cấp thẻ tín dụng cho ông B loại thẻ VIB Platinum (Cash Back) hạn mức là 69.000.000 đồng, lãi suất, phí theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông B đã thực hiện các giao dịch thanh toán hết số tiền 69.000.000 đồng, nhưng ông B chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.600.000 đồng rồi ngưng không thanh toán số tiền nào khác, tính đến ngày 23/5/2022 thì ông B còn nợ tiền gốc là 67.493.313. Phía Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông B thanh toán tiền nhưng ông B không thực hiện. Cho thấy ông B đã vi phạm vào điểm 7, 8 của điều khoản và điều kiện

cấp thẻ tín dụng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T buộc ông Trần Công B có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T số tiền gốc của hai khoản vay là 129.743.116 đồng.

[3] Về yêu cầu tính lãi của Ngân hàng T yêu cầu tính lãi đến ngày Tòa xét xử là ngày 23/05/2022 của hợp đồng tín dụng là 66.435.364 đồng và tiền lãi + phí của thẻ tín dụng là 76.891.507, tổng cộng là 143.326.871 đồng. Xét yêu cầu này là có cơ sở vì căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng về việc "quy định lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng", căn cứ vào điểm 7, 8 của điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng và ông B đã thỏa thuận mức lãi suất. Lãi suất mà phía Ngân hàng yêu cầu phù hợp với mức lãi suất của hợp đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của Ngân hàng, buộc ông B trả cho Ngân hàng T số tiền lãi và phí là 143.326.871 đồng.

[4] Về thời gian trả: Ngân hàng T yêu cầu trả tiền vốn và lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu này là có cơ sở vì số tiền này ông B để kéo dài không trả cho Ngân hàng đã ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng nên cần buộc ông B trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 174, 175, 179, 227, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng các Điều 274, 280, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015
- Áp dụng Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng.
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T

Buộc ông Trần Công B có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế số tiền gốc là 129.743.116 đồng và tiền lãi, phí là 143.326.871 đồng, tổng cộng là **273.069.987** đồng (hai trăm bảy mươi ba triệu không trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 24/05/2022 ông Trần Công B B, còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng T theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng số 0599/HĐTCDP-VIB828/17 ngày 19/7/2017 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí:

- Ông Trần Công B phải chịu 13.653.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng T 6.382.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu số 0005830 ngày 03/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Báo nguyên đơn có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Báo bị đơn vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án văn hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện G;
- THA.DS huyện G
- Các đương sự.
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Tuấn Anh